ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1491 /GPMT-UBND	*Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH sản xuất chính xác Heatmoving (Việt Nam) số 2804/GPMT-HEATMOVING ngày 28 tháng 4 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 365/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty TNHH sản xuất chính xác Heatmoving (Việt Nam), địa chỉ trụ sở chính: Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng, Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Heatmoving Hưng Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Heatmoving Hưng Yên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng, Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0901226676 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7688757388 chứng nhận cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2026 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp.

1.4. Mã số thuế: 0901226676.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Chi tiết: Gia công chuột máy tính, chuột chơi game, bàn phím máy tính (mã ngành theo VSIC: 2620).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 9.110 m^2 tại nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng, Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Loại hình dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô công suất thiết kế:

+ Chuột máy tính, chuột chơi game: 150.000 sản phẩm/năm, tương đương 150 tấn/năm;

+ Bàn phím máy tính: 300.000 sản phẩm/năm, tương đương 330 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất: Gồm 4 bước như sau:

+ Bước 1: Quy trình sản xuất SMT: Nguyên liệu → kiểm tra IQC → in kem hàn → gắn linh kiện → hàn đối lưu → kiểm tra AOI → kiểm tra chức năng → đóng gói, lưu kho.

+ Bước 2: Quy trình sản xuất liên kết DIP: Bán sản phẩm từ quy trình sản xuất SMT → gắn kinh kiện → hàn sóng → kiểm tra → tách bảng mạch → kiểm tra → đóng gói, lưu kho.

+ Bước 3: Quy trình quét màng bảo vệ: Bán sản phẩm từ quy trình sản xuất liên kết DIP → quét màng bảo vệ → sấy UV → kiểm tra chất lượng → đóng gói, lưu kho.

+ Bước 4: Quy trình lắp ráp: Bán sản phẩm từ quy trình quét màng bảo vệ → lắp ráp → khắc lazer → kiểm tra → làm sạch → kiểm tra → đóng gói → lưu kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH sản xuất chính xác Heatmoving (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ khi Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- BQL các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- UBND xã Yên Mỹ;
- Lưu: VT, KT2.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
08/05/2026 15:58:55

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1491/GPMT-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án với lưu lượng tối đa khoảng 13,5 m^3/ngày đêm sau xử lý sơ bộ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 2025071801/HĐTX ngày 18/07/2025 giữa Công ty TNHH sản xuất chính xác Heatmoving (Việt Nam) và Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng.

- Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng chịu trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh đảm bảo đạt tiêu chuẩn đấu nối và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Yên Mỹ II để xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Có 01 nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại khu vực nhà xưởng thuê thực hiện dự án.

- Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại có thể tích 8 m^3 sau đó theo đường ống D200mm dài 100 m ra hệ thống thu gom nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng.

- Tọa độ vị trí đấu nối nước thải của dự án vào hệ thống gom nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X(m): 2308553,89; Y(m): 555945,57.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

01 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 8 m^3.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d và điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý sơ bộ toàn bộ nước thải phát sinh của dự án trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng).

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về đấu nối nước thải và các điều kiện về vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, đơn vị cho thuê nhà xưởng, chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Yên Mỹ II trong công tác phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1491 /GPMT-UBND ngày 08 /5/2026 của Chủ tịch Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 05 nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ khu vực hàn đối lưu (04 máy hàn đối lưu);
- Nguồn số 02: Khí thải từ khu vực hàn sóng (02 máy hàn sóng);
- Nguồn số 03: Khí thải từ khu vực sấy UV (02 máy sấy UV);
- Nguồn số 04: Khí thải từ khu vực quét bảng mạch (02 máy quét bảng mạch);
- Nguồn số 05: Khí thải từ khu vực hàn tay (28 máy hàn tay).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực hàn đối lưu, hàn sóng, sấy UV, quét bảng mạch, hàn tay thuộc Khu công nghiệp Yên Mỹ II, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X (m): 2308598; Y (m): 555951.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000 m^3/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Cưỡng bức, xả liên tục theo ca sản xuất.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm	Tần suất quan trắc môi trường định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤ 80		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	≤ 300		
4	Nitơ oxit (NO_x, tính theo NO_2)	mg/Nm^3	≤ 400		
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm^3	≤ 400		
6	Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu)	mg/Nm^3	≤ 5		
7	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: benzen, toluen, etylbenzen, etyl axetat, butyl axetat)	mg/Nm^3	≤ 120		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ 02 máy quét màng được thu gom bằng 02 chụp hút (mỗi máy quét màng bố trí 01 chụp hút), 04 máy hàn đối lưu được thu gom bằng 08 ống hút (mỗi máy hàn đối lưu bố trí 02 ống hút), 02 máy hàn sóng được thu gom bằng 06 ống hút (mỗi máy hàn sóng bố trí 03 ống hút), 02 máy sấy UV được thu gom bằng 02 ống hút (mỗi máy sấy UV bố trí 01 ống hút) và 28 máy hàn tay được thu gom bằng 28 ống hút (mỗi máy hàn tay bố trí 01 ống hút), sau đó đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng quạt hút để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → chụp hút, ống hút → đường ống thu gom → tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → quạt hút → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B thải ra môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 18.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành, bảo dưỡng định kỳ được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Dự án.

- Trường hợp xảy ra sự cố: Tiến hành tạm dừng hoạt động khu vực phát sinh khí thải được xử lý tại hệ thống, khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 6/2026 đến tháng 12/2026.

- Vị trí lấy mẫu: Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực hàn đối lưu, hàn sóng, sấy UV, quét bảng mạch, hàn tay.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm: Lưu lượng; Bụi (PM); Lưu huỳnh đioxit (SO_2); Nitơ oxit (NO_x, tính theo NO_2); Cacbon monoxit (CO); Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: benzen, toluen, etylbenzen, etyl axetat, butyl axetat).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1481/GPMT-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Có 06 nguồn

- Nguồn số 01: Tại khu vực gắn linh kiện;
- Nguồn số 02: Tại khu vực kiểm tra;
- Nguồn số 03: Tại khu vực tách bảng mạch;
- Nguồn số 04 : Tại khu vực sấy UV;
- Nguồn số 05 : Tại khu vực đóng gói;
- Nguồn số 06: Tại khu vực hệ thống xử lý khí thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

QCVN 26:2025/BNNMT			Ghi chú
Ngày (06h đến trước 18h (dBA)	**Tối (18hđến trước 22h) (dBA)**	**Đêm (22h đến trước 06h) (dBA)**	Khu vực E: Thời gian áp dụng trong ngày
70 dbA	65 dBA	60 dBA	

Ghi chú: Khu vực E: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.2. Độ rung

QCVN 27:2025/BNNMT		Ghi chú
Ban ngày (06h đến trước 22h (dB)	**Đêm (22h đến trước 06h) (dA)**	Khu vực D: Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB
75	70	

Ghi chú: Khu vực D: Khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; bố trí các vật liệu tiêu âm tại các vị trí phát sinh tiếng ồn, rung để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.
- Trang bị thiết bị chống ồn cho công nhân làm việc trực tiếp tại nơi phát sinh độ ồn lớn.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1491/GPMT-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	200	17 02 03
4	Dầu tổng hợp thải	Lỏng	200	17 07 03
5	Sản phẩm lỗi (Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH))	Rắn	10.000	16 01 03
	Tổng		**10.430**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã chất thải
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	5.000	18 01 02
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	2.000	18 01 01
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	12.400	18 01 03
4	Than hoạt tính thải	Rắn	289,8	18 02 01
5	Giẻ lau, vải, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	3.000	18 02 01
6	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	300	07 04 02
7	Hộp chứa mực in thải	Rắn	40	08 02 04
8	Hóa chất thải bỏ (kem hàn thải, chất	Lỏng	200	19 05 03

	trợ hàn Flux thải, nhựa epoxy thải)			
	Tổng		**23.229,8**	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì thải, pallet thải,... không nhiễm thành phần nguy hại	2.000
2	Dụng cụ bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	250
3	Linh kiện nhựa, linh kiện kim loại lỗi thải không chứa thành phần nguy hại	26.000
	Tổng	**28.250**

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 46,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Do Chủ dự án không thực hiện thuê đơn vị có chức năng lấy mẫu, phân tích để phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải rắn công nghiệp thông thường hay chất thải nguy hại nên chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát được quản lý, kiểm soát như chất thải nguy hại.

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa dung tích 200 lít/thùng có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 7,5 m^2; thiết kế: mái che, tường bao quanh bằng gạch và tấm panel, không để nước mưa chảy tràn vào; có biện pháp phòng ngừa sự cố chảy, tràn và đổ chất thải nguy hại dạng lỏng; gắn nhãn hiệu cảnh báo và bố trí các thiết bị PCCC theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích: 60 lít, 120 lít; bao bì mềm bằng nilon.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 7,5 m^2; thiết kế: mái che, tường bao quanh bằng gạch và tấm panel, không để nước mưa chảy tràn vào; có biển báo, phòng ngừa theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa dung tích: 50 lít, 100 lít, 300 lít, 500 lít có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Chung với kho lưu giữ chất thải rắn thông thường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1491 /GPMT-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên rà soát quy trình, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn vệ sinh môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, an toàn hóa chất, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.